

Bản án số: 144/2022/DS-ST
Ngày: 24 - 8 -2022
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **TRẦN HƯƠNG LINH**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Thúy N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Bé C1**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn R**, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà N có mặt; bà C1 vắng mặt; ông R xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Cao Thị Thúy N tại đơn khởi kiện trình bày: Bà là chủ đầu thảo hui, bà C1 là hui viên, tính đến ngày 08/12/2017 bà C1 nợ bà 35.000.000 tiền hui. Ngoài ra bà C1 còn tham gia các dây hui cụ thể sau:

+ **Dây 1:** Hui tháng khui ngày 04/02/2017, hui 1.000.000đồng, gồm 14 phần, bà C1 tham gia 01 phần và hốt đầu. Hiện còn nợ 02 kỳ hui chết là 2.000.000đồng.

+ **Dây 2:** Hui tháng khui ngày 20/6/2017, hui 1.000.000đồng, gồm 15 phần, bà C1 tham gia 02 phần và hốt đầu. Hiện còn nợ 08 kỳ hui chết là 16.000.000đồng.

+ **Dây 3:** Hui tháng khui ngày 10/8/2017, hui 1.000.000đồng, gồm 15 phần, bà C1 tham gia 01 phần và hốt đầu. Hiện còn nợ 10 kỳ hui chết là 10.000.000đồng.

Ngày 10/10/2018 khi mãn các dây hui bà C1 có lập biên nhận nợ hui cho bà với số tiền là 63.000.000đồng, sau đó trả được 3.000.000đồng còn lại 60.000.000đồng do gia đình bà C1 khó khăn nên xin trả dần và ngày 20/3/2020 có làm biên nhận nợ 60.000.000đồng. Bà yêu cầu bà chính trả 60.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà N trình bày bà C1 chỉ có tham gia 03 dây hui do bà tổ chức nêu trong đơn khởi kiện. Bà C1 nợ tiền hui của 03 dây hui là 28.000.000đồng, còn lại 35 triệu đồng là tiền bà C1 mượn của bà, tiền người khác gởi bà C1 đóng hui cho bà nhưng bà C1 không đóng. Đến ngày 10/10/2018 bà yêu cầu bà C1 viết giấy nợ 63.000.000đồng. Nay bà yêu cầu bà C1 trả bà 25.000.000đồng tiền hui của bà Chính còn thiếu(trước đó đã trả được 3.000.000đồng). Số tiền còn lại 35.000.000đồng theo giấy nợ bà xin rút lại, bà sẽ về kiểm tra lại sổ sách và khởi kiện bà C1 trong 01 vụ án khác.

- Bị đơn bà Phan Thị Bé C1 tại bản tự khai trình bày: Bà tham gia các dây hui do bà N tổ chức như sau:

+ Dây hui 1.000.000đồng/ tháng, không nhớ ngày khui, bao nhiêu phần, bà đã hốt còn nợ lại 02 tháng hui chết là 2.000.000đồng.

+ Dây hui 1.000.000đồng/ tháng, không nhớ ngày khui, bao nhiêu phần, bà vô 02 phần, bà đã hốt còn nợ lại 08 tháng hui chết là 16.000.000đồng.

+ Dây hui 1.000.000đồng/ tháng, không nhớ ngày khui, bao nhiêu phần, bà vô 02 phần, bà đã hốt còn nợ lại 10 tháng hui chết là 10.000.000đồng.

Tổng cộng là 28.000.000đồng, bà không nợ bà N 35.000.000đồng, tháng 10/2018 sau khi điều trị tai nạn về nhà thì bà N đến nhà kêu bà viết giấy nợ với tiền nợ 63.000.000đồng, giấy nợ ngày 10/10/2018 do bà viết. Sau đó bà N kêu bà ký tên, ghi họ tên vào các biên lai mượn tiền, lúc đó không có âm dọa. Trong số tiền 28.000.000đồng bà đã trả 3.000.000đồng, có ký vô sổ bà N nhưng không nhớ ngày. Bà đồng ý trả bà N 25.000.000đồng nhưng bà N phải đến nhà bà xin lỗi vì đã đánh bà.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 351, 471 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà C1 trả bà N 25.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hui. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hui theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Phan Thị Bé C1 dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đối với ông Lê Văn R thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C1, ông R.

[1.4]. Về việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị Thúy N chỉ yêu cầu bà Phan Thị Bé C1 trả 25.000.000đồng trong số 60.000.000đồng còn nợ, rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà C1 trả 35.000.000đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, tại phiên tòa bà N trình bày bà C1 tham gia chơi 03 dây hui do bà tổ chức, còn nợ bà số tiền hui chết chưa đóng là 25.000.000đồng. Đối với bà C1 dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa. Tuy nhiên, tại tờ tự khai của mình bà C1 cũng trình bày có tham gia 03 dây hui do bà N tổ chức và nợ bà N 25.000.000đồng tiền hui chết. Bà cũng đồng ý trả nhưng bà N phải đến nhà xin lỗi bà. Lời thừa nhận của bà C1 là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ đó, có cơ sở xác định bà C1 còn thiếu bà N 25.000.000đồng. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà C1 phải trả bà N 25.000.000đồng tiền hui là có cơ sở.

[3]. Án phí: Bà C1 phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thúy N yêu cầu bà Phan Thị Bé C1 trả 35.000.000đồng trong số 60.000.000đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thúy N.

Buộc bà Phan Thị Bé C1 phải trả cho bà Cao Thị Thúy N 25.000.000đồng tiền hụi.

3. Về án phí:

3.1. Phan Thị Bé C1 phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại bà Cao Thị Thúy N 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009753 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu C1 chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bà Cao Thị Thúy N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà Phan Thị Bé C1, ông Lê Văn R thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

